TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AB
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **22/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và ghi nhận tự thỏa thuận phân chia tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AB, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

2. Ông Huỳnh Công Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và ghi nhận tự thỏa thuận phân chia tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/ QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Ngọc L, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1980 (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Thái Văn H, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1967 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Sn 169 Kp 5, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 11/01/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc L trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Thái Văn H quen biết nhau và chung sống với nhau vào năm 1996 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Thời gian chung sống chị với anh Thái Văn H có được 03 người con chung tên: Thái Phụng A, sinh ngày 22 tháng

10 năm 1998, Thái Phụng D, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2003 hiện nay đã thành niên và Thái Phụng V, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2011 hiện nay đang chung sống với chị; về tài sản chung, chị và anh Thái Văn H có diện tích đất 2.963 mét vuông, tọa lạc tại Kp 5 (Trước đấy là ấp T 2), thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AE 999109, thửa đất số: 30985.2-1.143, tờ bản đồ: 2-1, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: TT 005772, ngày 19/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện AB cấp cho người sử dụng Thái Văn H, địa chỉ: Sn 169, Kp 5, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; về nợ chị và anh Thái Văn H không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Thái Văn H không hòa hợp, anh Thái Văn H gia trưởng trong gia đình, anh chị thường xuyên bất đồng trong công việc trong gia đình và cự cải với nhau, sống không hạnh phúc. Nay chị thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Thái Văn H nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang giải quyết như sau: Về hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Thái Văn H. Về con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi người con chung tên Thái Phụng V, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2011 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Thái Phụng V, chị không yêu cầu anh Thái Văn H cấp dưỡng nuôi con, còn các con chung tên Thái Phụng A và Thái Phụng D hiện nay đã thành niên chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết phần chia mà yêu cầu Tòa án ghi nhận theo văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản giữa chị và anh Thái Văn H lập ngày 06/4/2022 là chị tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.386,7 mét vuông, tọa lạc tại Kp 5 (Trước đấy là ấp T 2), thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo Tờ trích đo địa chính số: TĐ 37- 2022 ngày 10/3/2022 của Chi nhán Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB có các cạnh 2-3-4-5-6-17-16-15-14-13-12-11, giao cho anh Thái Văn H tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.253,5 mét vuông, tọa lạc tại Kp 5 (Trước đấy là ấp T 2), thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo Tờ trích đo địa chính số: TĐ 37- 2022 ngày 10/3/2022 của Chi nhán Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB có các cạnh 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10 trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AE 999109, thửa đất số: 30985.2-1.143, tờ bản đồ: 2-1, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: TT 005772, ngày 19/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện AB cấp cho người sử dụng anh Thái Văn H, địa chỉ: Sn 169, Kp 5, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Về nợ, không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 04 tháng 5 năm 2022, bị đơn anh Thái Văn H trình bày như sau*:

Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, con chung như Trương Thị Ngọc L trình bày trên là đúng. Anh và chị Trương Thị Ngọc L chung sống

với nhau vào 1996 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cải với nhau nên anh chị đã ly thân từ tháng 5 năm 2021 âm lịch đến nay. Trong thời gian chung sống anh và chị Trương Thị Ngọc L có 03 người con chung tên: Thái Phụng A, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1998, Thái Phụng D, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2003 hiện nay đã thành niên và Thái Phụng V, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2011 hiện nay đang chung sống với chị Trương Thị Ngọc L; về tài sản chung, anh và chị Trương Thị Ngọc L có diện tích đất 2.963 mét vuông, tọa lạc tại Kp 5 (Trước đấy là ấp T 2), thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AE 999109, thửa đất số: 30985.2-1.143, tờ bản đồ: 2-1, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: TT 005772, ngày 19/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện AB cấp cho người sử dụng Thái Văn H, địa chỉ: Sn 169, Kp 5, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; về nợ, anh và chị Trương Thị Ngọc L không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị. Nay về quan hệ hôn nhân, anh thấy anh và chị Trương Thị Ngọc L không hòa hợp, chung sống thường cự cải với nhau trong công việc làm ăn gia đình và không còn tình cảm vợ chồng nữa, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trương Thị Ngọc L, khi ly hôn anh đồng ý giao người con chung tên Thái Phụng V, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2011 cho chị Trương Thị Ngọc L được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Thái Phụng V, anh không cấp dưỡng nuôi con, còn các con chung tên Thái Phụng A và Thái Phụng D hiện nay đã thành niên anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết phần chia mà yêu cầu Tòa án ghi nhận theo văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản giữa anh và chị Trương Thị Ngọc L lập ngày 06/4/2022 là anh tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.253,5 mét vuông, tọa lạc tại Kp 5 (Trước đấy là ấp T 2), thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo Tờ trích đo địa chính số: TĐ 37- 2022 ngày 10/3/2022 của Chi nhán Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB có các cạnh 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10, giao cho chị Trương Thị Ngọc L tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.386,7 mét vuông, tọa lạc tại Kp 5 (Trước đấy là ấp T 2), thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo Tờ trích đo địa chính số: TĐ 37- 2022 ngày 10/3/2022 của Chi nhán Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB có các cạnh 2-3-4-5-6-17-16-15-14-13-12-11 trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AE 999109, thửa đất số: 30985.2-1.143, tờ bản đồ: 2-1, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: TT 005772, ngày 19/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện AB cấp cho người sử dụng Thái Văn H, địa chỉ: Sn 169, Kp 5, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; về nợ, không có, anh không yêu cầu giải quyết.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy chứng

minh nhân dân Trương Thị Ngọc L, Thái Văn H và sổ hộ khẩu, 03 giấy khai sinh Thái Phụng A, Thái Phụng D và Thái Phụng V; Xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn Thứ Ba; Bản trình bày ý kiến nguyện vọng ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Thái Phụng V; Văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản của vợ chồng ngày 06/4/2022; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AE 999109, thửa đất số 30985.2-1.143, tờ bản đồ: 2-1, diện tích 2.963 mét vuông, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: TT 005772, ngày 19/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện AB cấp cho người sử dụng là Thái Văn H; Tờ trích đo địa chính số: TĐ 37- 2022 ngày 10/3/2022 của Chi nhán Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB; Biên bản xác minh ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AB.

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc L yêu cầu được ly hôn với anh Thái Văn H. Về quan hệ con chung, chị yêu cầu được nuôi người con chung tên Thái Phụng V, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2011 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Thái Phụng V, chị không yêu cầu anh Thái Văn H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết phần chia mà yêu cầu Tòa án ghi nhận theo văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản giữa chị và anh Thái Văn H lập ngày 06/4/2022. Về nợ, không có chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Thái Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc L đề nghị Hội đồng xét xử. Về quan hệ hôn nhân, chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên không công nhận chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H là vợ chồng; về quan hệ con chung, giao người con chung của anh chị tên Thái Phụng V, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2011 cho Trương Thị Ngọc L được tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng con của anh

chị; về cấp dưỡng, chị Loan không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, ghi nhận theo văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản giữa anh Thái Văn H và Trương Thị Ngọc L lập ngày 06/4/2022. Về nợ, chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc L yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Thái Văn H, về nuôi con và ghi nhận theo văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản. Nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại Khu phố 5, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Thái Văn H thì anh gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt anh. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai chị Trương Thị Ngọc L không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Thái Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H chung sống với nhau vào năm 1996, đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi một trong hai người cư trú)* là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quết vụ án, chị Trương Thị Ngọc L yêu cầu được ly hôn với anh Thái Văn H thì anh Thái Văn H cũng đồng ý nhưng do anh chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị mà không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H tự xác định, anh chị có 03 người con chung tên: Thái Phụng A, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1998, Thái Phụng D, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2003 hiện nay đã thành niên và Thái Phụng V, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2011 hiện nay đang chung sống với

chị Trương Thị Ngọc L. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Thái Văn H thống nhất giao người con chung tên Thái Phụng V cho chị Trương Thị Ngọc L được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Thái Phụng V. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Trương Thị Ngọc L, anh Thái Văn H và nguyện vọng của Thái Phụng V. Giao người con chung của anh chị tên Thái Phụng V, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2011 cho Trương Thị Ngọc L được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H cùng thống nhất xác định, anh chị có diện tích đất 2.963 mét vuông, tọa lạc tại Kp 5 (Trước đấy là ấp T 2), thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AE 999109, thửa đất số: 30985.2-1.143, tờ bản đồ: 2-1, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: TT 005772, ngày 19/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện AB cấp cho người sử dụng là anh Thái Văn H, địa chỉ: Sn 169, Kp 5, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết phần chia mà yêu cầu Tòa án ghi nhận theo văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản giữa chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H lập ngày 06/4/2022. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận tự thỏa thuận phân chia tài sản giữa chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H lập ngày 06/4/2022 là: Giao cho anh Thái Văn H tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.253,5 mét vuông có các cạnh 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10 và giao cho chị Trương Thị Ngọc L tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.386,7 mét vuông có các cạnh 2-3-4-5-6-17-16-15-14-13-12-11, tọa lạc tại Kp 5 (Trước đấy là ấp T 2), thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo Tờ trích đo địa chính số: TĐ 37- 2022 ngày 10/3/2022 của Chi nhán Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AE 999109, thửa đất số: 30985.2-1.143, tờ bản đồ: 2-1, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: TT 005772, ngày 19/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện AB cấp cho người sử dụng là anh Thái Văn H. Sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ: Chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H tự xác định, anh chị chung sống không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này có phát sinh tranh chấp nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147

của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Trương Thị Ngọc L, anh Thái Văn H và nguyện vọng của Thái Phụng V. Giao người con chung tên Thái Phụng V, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2011 cho chị Trương Thị Ngọc L được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Thái Phụng V, hiện nay Thái Phụng V đang chung sống với chị Trương Thị Ngọc L.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận tự thỏa thuận phân chia tài sản giữa chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H lập ngày 06/4/2022 là: Giao cho anh Thái Văn H tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.253,5 mét vuông có các cạnh 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10 và giao cho chị Trương Thị Ngọc L tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.386,7 mét vuông có các cạnh 2-3-4-5-6-17-16-15-14-13-12-11, tọa lạc tại Kp 5 (Trước đấy là ấp T 2), thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo Tờ trích đo địa chính số: TĐ 37- 2022 ngày 10/3/2022 của Chi nhán Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AE 999109, thửa đất số: 30985.2-1.143, tờ bản đồ: 2-1, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: TT 005772, ngày 19/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện AB cấp cho người sử dụng là anh Thái Văn H. Sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về nợ: Chị Trương Thị Ngọc L và anh Thái Văn H tự xác định, anh chị chung sống không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị

không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Sau này có phát sinh tranh chấp nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Trương Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004786 ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Chị Trương Thị Ngọc L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 24/5/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện AB;
- Chi cục THADS huyện AB;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

Trần Văn Thảo